TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2023
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Phú Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình

Ông Phùng Đình Bàn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2022/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2013 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1982 (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu , phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau ngày 04/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B. Sau ngày cưới, chị về làm dâu và sinh sống cùng gia đình anh K, tình cảm vợ chồng H phúc, đến khoảng đầu năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh K không tập chung vào công việc, chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều, sống không có trách nhiệm với vợ, con. Mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên bảo động viên, nhưng anh K không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn trầm trọng. Khoảng đầu năm 2018 vợ chồng sống ly thân, từ thời gian đó đến nay anh chị không ai

còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim Kh, sinh ngày 06/8/2011 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 31/01/2007, hai cháu đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kh và cháu Đ; chị có công việc, thu nhập ổn định, chị đang cán bộ làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Th, thành phố V tổng thu nhập bình quân mỗi tháng cả làm thêm khoảng 14.000.000 đồng, nên đủ điều kiện để nuôi con chung; chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn K, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án, anh K đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ đối với ông Nguyễn Văn C (là bố đẻ bị đơn anh K). Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2023, ông C trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng chị H, anh K như lời trình bày trên của chị H là đúng. Hiện tại, chị H và anh K đã sống ly thân. Nguyên nhân là do anh K không tập chung vào công việc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng với nhau. Hiện tại anh K đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà sống cùng vợ chồng ông. Khi chị H làm đơn xin ly hôn, các văn bản của Tòa án tống Đ đến anh K ông là người nhận thay và đều thông báo các nội dung văn bản bằng điện thoại cho anh K biết và nói với anh về việc về Tòa án để giải quyết. Nhưng anh K đều nói lại: Vì lý do công việc anh không thể về Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Anh khẳng định đã hết tình cảm với chị H, anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; xử cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Nguyễn Văn K. Giao cho chị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Nguyễn Thị Kim Kh, sinh ngày 06/8/2011 và Nguyễn Tiến Đ, sinh

ngày 31/01/2007. Anh K không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn K có hộ khẩu thường trú: Khu , phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn K là bị đơn đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ và đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Qua xác minh gia đình cung cấp, hiện anh K đi làm ăn xa, chỉ thỉnh thoảng mới về. Địa chỉ cụ thể nơi ở và làm việc của anh K ở địa điểm nào thì gia đình không biết, gia đình đã thông báo cho anh K biết việc Toà án thụ lý đơn khởi kiện của chị H về việc xin ly hôn anh K, anh K nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị H. Vì vậy, xác định anh K đã cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh khai báo nhằm mục đích gây khó khăn cho chị H và Tòa án trong việc giải quyết ly hôn giữa chị H và anh K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị H và anh K từ khi kết hôn, có thời gian chung sống hoà thuận, H phúc. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2018. Xuất phát từ việc hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh K không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời dẫn đến nợ nần, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị H có đơn xin ly hôn, anh K đã được Tòa án thông báo và triệu tập đến Tòa án để làm việc, anh K biết rõ việc Tòa án đang thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh K nhưng anh K không đến làm việc theo giấy triệu tập và có ý kiến thông qua ông Nguyễn Văn C (là bố đẻ của anh K) và anh K nhất trí với yêu cầu xin ly hôn và đồng ý để chị H nuôi con chung. Gia đình anh K xác định vợ chồng anh K, chị H không thể đoàn tụ được nữa. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Kết quả thu thập chứng cứ và sự thừa nhận, trình bày của đương sự trong vụ án, xác định chị H, anh K có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Kim Kh, sinh ngày 06/8/2011 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 31/01/2007; hiện nay cả hai cháu đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng; ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung của chị H là chính đáng, bởi vì từ lúc các cháu được sinh ra cho đến nay, chị vẫn là người chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các cháu, các cháu được nuôi ăn học đầy đủ, sức khỏe tốt, quá trình chung sống anh K không có trách nhiệm gì với vợ con. Tòa án đã lấy lời khai của các cháu và các cháu đều có nguyện vọng ở với chị H. Mặt khác chị H có công việc, thu nhập ổn định, chị đang cán bộ làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Th, thành phố V tổng thu nhập bình quân mỗi tháng cả làm thêm khoảng 14.000.000 đồng, nên đủ điều kiện để nuôi con chung. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Do chị H không yêu cầu; anh K không có ý kiến, quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Kim Kh, sinh ngày 06/8/2011 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 31/01/2007. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004967 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VĨnh Yên. Chị H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:
- VKSND TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS TP Vĩnh Yên;
- UBND xã H, H B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Phú Lâm